

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Hợp đồng ủy quyền (“Hợp đồng”) này lập tại Văn phòng công chứng Trung Tâm giữa:

(1) Bên ủy quyền

Ông/Bà:
CCCD số: do cấp ngày
Cư ngụ tại:
Email:Điện thoại:
Tài Khoản Giao Dịch Chứng khoán (“TK”) số:
Tài khoản tiền gửi tại:
(với tư cách là **“Bên ủy quyền”** hay còn gọi là **“Khách Hàng”**); và

(2) Bên nhận ủy quyền

Ông/Bà:
CCCD số: do cấp ngày
Cư ngụ tại:
Email:Điện thoại:
Tài Khoản Giao Dịch Chứng khoán (“TK”) số:

Các bên có tên nêu trên, sau đây gọi chung là “các Bên” và gọi riêng là “Bên”.

NỘI DUNG ỦY QUYỀN

1. Phạm vi ủy quyền

Bằng Hợp đồng, Bên ủy quyền chỉ định và xác nhận Bên nhận ủy quyền là bên được ủy quyền hợp pháp và trên thực tế của Bên ủy quyền, có các quyền hạn và thẩm quyền, nhân danh và thay mặt cho Bên ủy quyền thực hiện các giao dịch trên TK bao gồm các công việc ủy quyền được xác định bằng việc ký tên xác nhận vào các ô tương ứng như sau:

STT	Nội dung ủy quyền	Chữ ký xác nhận
1	Đặt lệnh giao dịch mua, bán, hủy, sửa chứng khoán giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM và Hà Nội, và Sở giao dịch chứng khoán hợp pháp khác (nếu có)	
2	Rút, nộp, chuyển khoản tiền liên quan đến TKGDCK	
3	Thực hiện các nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn trong các hợp đồng mà Bên ủy quyền ký kết với Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Vietcap bao gồm nhưng không giới hạn các hợp đồng dịch vụ giao dịch trực tuyến, hợp đồng hỗ trợ giao dịch chứng khoán, hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán, hợp đồng giao dịch ký quỹ, ...	
4	Nhận thông báo kết quả giao dịch, in sao kê tài khoản, lưu ký chứng khoán, thực hiện các quyền phát sinh với tư cách là cổ đông sở hữu các chứng khoán niêm yết (mua chứng khoán phát hành thêm, nhận cổ tức, ...)	

2. Trách nhiệm và quyền hạn của các Bên

- 2.1. Bằng Hợp đồng này, Bên ủy quyền xác nhận rằng, Bên ủy quyền hiểu rõ các rủi ro khi ủy quyền, và Bên ủy quyền chịu trách nhiệm đối với mọi rủi ro và thiệt hại đó.
- 2.2. Bên ủy quyền có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra số dư tiền gửi trong tài khoản tiền của mình, và chứng khoán, cũng như các giao dịch mà Bên được ủy quyền thực hiện trong ngày thông qua phương tiện điện tử mà Công Ty chứng khoán cung cấp như hệ thống V-Pro, V-Bos, thẻ giao dịch (OTP card). Trong vòng 3 (ba) ngày, kể từ ngày các giao dịch chứng khoán được thực hiện trong phạm vi ủy quyền và phù hợp quy định của pháp luật mà Bên ủy quyền không có bất kỳ khiếu nại nào, và không có bất kỳ phản hồi nào về các giao dịch đó thông qua email, fax, bằng văn bản viết, thì Bên nhận ủy quyền được quyền miễn trừ mọi trách nhiệm đối với các giao dịch đó.
- 2.3. Bên nhận ủy quyền chỉ được thực hiện các công việc ủy quyền trong Phạm vi ủy quyền nêu tại Điều 1.

3. Thù lao ủy quyền

Hợp đồng này không có thù lao ủy quyền.

4. Thời hạn ủy quyền:

Việc ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản chấm dứt ủy quyền được lập hợp pháp và nộp tại Công ty và không bị giới hạn 01 (một) năm theo quy định của Bộ Luật dân sự. Việc ủy quyền cũng có thể hết hiệu lực theo quy định chung của Bộ Luật dân sự.

5. Chấm dứt việc ủy quyền

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Bên ủy quyền đóng tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công Ty;
- b) Việc đình chỉ hoặc hủy bỏ ủy quyền phải được lập thành văn bản và phải được công chứng theo quy định của pháp luật.

6. Hiệu lực

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, và được lập thành 04 (bốn) bản chính, Bên ủy quyền giữ 01 (một) bản, Bên nhận ủy quyền lưu giữ 02 (hai) bản và cơ quan công chứng lưu giữ 01 (một) bản.

Bên ủy quyền

Bên nhận ủy quyền

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày..... tháng năm..... (Ngày..... tháng..... năm.....)

Tại:

Tôi: - Công chứng viên

CÔNG CHỨNG:

Hợp đồng uỷ quyền này được giao kết giữa các bên sau đây:

Bên uỷ quyền:

Bên được uỷ quyền:

- ☐ Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng;
- ☐ Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;
- ☐ Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, đối tượng của hợp đồng, giao dịch là có thật;
- ☐ Các bên giao kết đã đọc lại, nghe Công chứng viên giải thích hợp đồng, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong hợp đồng và đã ký vào hợp đồng này trước sự có mặt của Công chứng viên.

Văn bản công chứng này bao gồm nội dung hợp đồng và lời chứng của Công chứng viên được lập thành 03 (ba) bản chính, mỗi bản chính gồm 04 (bốn) trang, cấp cho: Bên A: 01 (một) bản chính; Bên B: 02 (hai) bản chính và lưu tại Văn phòng Công chứng Trung Tâm 01 (một) bản chính.

Số công chứng:

Công chứng viên